

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2009

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                        | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ năm năm đến cuối quý này |                         |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------------------|-------------------------|
|                                                                                 |           |             | Năm nay                            | Năm trước               |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                                    |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                         | 01        |             | 25.296.082.456                     | 64.781.100.569          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                    |           |             |                                    |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                      | 02        | V.9         | 3.658.668.389                      | 3.486.602.617           |
| - Các khoản dự phòng                                                            | 03        |             | -                                  | 53.421.776              |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04        |             | 5.442.441.514                      | 143.010.208             |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                   | 05        |             | (1.639.173.969)                    | (3.999.728.349)         |
| - Chi phí lãi vay                                                               | 06        |             | 9.609.024.781                      | 10.230.232.450          |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                | 08        |             | 42.367.043.171                     | 74.694.639.271          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                 | 09        |             | (11.641.144.280)                   | (116.860.288.649)       |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                       | 10        |             | (22.857.142.111)                   | (17.378.777.042)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                 | 11        |             | 11.219.505.874                     | 13.804.823.102          |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                  | 12        |             | (1.455.745.635)                    | (303.223.187)           |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                           | 13        |             | (9.637.505.983)                    | (9.659.116.633)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                             | 14        | V.18        | (1.354.681.750)                    | (3.133.533.250)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                         | 15        |             | 169.540                            | 6.391.800.000           |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                        | 16        |             | (36.011.000.380)                   | (1.128.675.700)         |
|                                                                                 |           |             | -                                  | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>(29.370.501.554)</b>            | <b>(53.572.352.088)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                                    |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        |             | (46.226.534.182)                   | (44.021.061.263)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |             | -                                  | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | -                                  | -                       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | -                                  | -                       |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        |             | (23.400.000.000)                   | (3.600.000.000)         |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26        |             | -                                  | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        |             | 2.785.194.582                      | 3.118.836.248           |
|                                                                                 |           |             | -                                  | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>(66.841.339.600)</b>            | <b>(44.502.225.015)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất** (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước             |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|-----------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                         |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | 23.723.257.703        |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                     |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                                    | 33        | V.15, 22    | 705.737.454.404         | 546.642.701.625       |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                 | 34        | V.15        | (622.884.225.988)       | (427.573.671.567)     |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính                                                          | 35        | V.15        | -                       | -                     |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        |             | -                       | (43.200.000.000)      |
|                                                                                            |           |             | -                       | -                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>82.853.228.416</b>   | <b>99.592.287.761</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                                                      | <b>50</b> |             | <b>(13.358.612.738)</b> | <b>1.517.710.658</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>18.808.362.149</b>   | <b>1.231.644.121</b>  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | (52.478.449)            | 98.960.613            |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                                                    | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>5.397.270.962</b>    | <b>2.848.315.392</b>  |
|                                                                                            |           |             | -                       | -                     |

An Giang, ngày 22 tháng 10 năm 2009

\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN**  
 Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**TRẦN THỊ VÂN LOAN**  
 Tổng Giám đốc